

Số: **221/2022/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **B Th M A**, sinh năm 1988;

HKTT: Tổ 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 175, tổ dân phố 09, phường T H, thành phố T Q, tỉnh T Q

- Bị đơn: Anh **L N T**, sinh năm 1986;

HKTT: Tổ 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 175, tổ dân phố 09, phường T H, thành phố T Q, tỉnh T Q

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **B Th M A** và anh **L N T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung:

Giao con chung **L Phg Th**, sinh ngày 25/05/2015 cho chị **B Th M A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh L N T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị B Th M A và anh L N T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản cho vay và vay nợ chung: Chị B Th M A và anh L N T đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị B Th M A tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000520 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị B Th M A đã nộp đủ án phí. Trả lại cho chị B Th M A số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Anh L N T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Tân Quang, TP Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà